TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST
Ngày: 13-9-2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Văn Khắc**.

2. Ông **Đỗ Thành Ngọc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN *tham gia phiên tòa*: Ông **Võ Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ông **HBL**, sinh năm 1963 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Thanh Lễ (Có mặt);

Địa chỉ nơi cư trú: Số 179, ấp BT, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN.

Địa chỉ trụ sở: Số 154A, lộ 12A, ấp TT, xã TB, thành phố TN, tỉnh TN.

*** Bị đơn**: Ông **NVMM**, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 15, hẻm 22, ấp LH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông HBL trình bày*:**

Ông và ông NVMM chỉ quen biết, hai bên không có họ hàng gì. Trước đây, ông và ông M chưa từng mua bán củi cao su với nhau. Ngày 07/7/2017, ông và ông M ký kết hợp đồng kinh tế số 010707/HĐKD.HL/2017, hai bên thỏa thuận mua

bán 03 lô củi cao su, cách thức giao củi là ông cho xe đến trại cưa của ông M lấy củi và đến trạm cân để cân, giá thỏa thuận theo từng thời điểm cụ thể, quy cách và chất lượng của củi là củi có đường kính nhỏ nhất 05cm, chiều dài từ 90cm – 100cm. Khi ký kết hợp đồng kinh tế, ông đưa trước cho ông M số tiền 300.000.000 đồng, lần thứ hai, ông đưa tiếp cho ông M thêm số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng ông đã giao cho ông M số tiền 320.000.000 đồng. Đến ngày 16/10/2017, ông và ông M kết sổ với nhau, tổng số củi mà ông M giao cho ông tổng cộng 175.143kg, với đơn giá 700 đồng/kg, quy ra thành tiền là 122.600.000 đồng, ông M còn nợ lại số tiền 197.400.000 đồng. Sau đó, ông M cam kết là sẽ tiếp tục giao củi cho ông để cấn trừ hết số tiền ông đã ứng trước cho ông M nhưng ông M không giao củi, không thực hiện đúng thỏa thuận. Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền còn lại cho ông là 197.400.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 16/10/2017.

Bị đơn ông NVMM đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông M không đến Toà án để làm việc, dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và dự phiên tòa.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đương sự tại phiên tòa, thấy rằng ông HBL và ông NVMM ký kết hợp đồng kinh tế số 010707/HĐKD.HL/2017 ngày 07/7/2017, hai bên thỏa thuận mua bán 03 lô củi cao su, ông L đã ứng trước cho ông M 02 lần với số tiền 320.000.000 đồng. Đến ngày 16/10/2017, hai bên kết sổ đã giao nhận củi quy ra thành tiền là 122.600.000 đồng. Ông M xác nhận còn nợ lại ông L số tiền 197.400.000 đồng và cam kết tiếp tục giao củi cho ông L cho đến khi đủ số tiền 197.400.000 đồng nhưng ông M vẫn không thực hiện. Ông L cung cấp hợp đồng kinh tế số 010707/HĐKD.HL/2017 ngày 07/7/2017 và các phiếu cân xe để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Căn cứ Điều 34 Luật Thương mại, xét thấy yêu cầu của ông L có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 197.400.000 đồng theo hợp đồng kinh tế số 010707/HĐKD.HL/2017 ngày 07/7/2017, cho nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông NVMM đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa chỉ số 15, đường Ngô Quyền, hẻm 22, ấp LH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN nên Tòa án nhân dân huyện HT thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Ngày 10/11/2017 Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp dân sự. Tuy nhiên, ngày 19/11/2014 nguyên đơn ông HBL đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh TN cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp tư nhân, với ngành nghề kinh doanh là buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu. Ông L ký hợp đồng kinh tế mua bán củi cao su với ông NVMM là cả hai đều có mục đích lợi nhuận, cho nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán trong kinh doanh thương mại, cần chuyển sang án kinh doanh thương mại theo khoản 1, Điều 31 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, ông NVMM đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Ngày 07/7/2017, ông HBL – Chủ doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Thanh Lễ và ông NVMM đã tự nguyện ký kết hợp đồng kinh tế số 010707/HĐKD.HL/2017 để mua bán củi cao su do ông M cung cấp khi củi được bo ra ngoài lô 2 khô ráo đảm bảo cho xe tải thuận tiện vào bóc dỡ, đơn giá thỏa thuận theo từng thời điểm, ông M phải giao củi có kích thước nhỏ nhất là 05cm, chiều dài từ 90cm – 100cm. Cùng ngày, ông L ứng trước cho ông M số tiền 300.000.000 đồng với đơn giá 700 đồng/kg và số tiền này sẽ được trừ dần vào 03 lô củi khi ông M giao hàng, sau đó, ông L tiếp tục ứng cho ông M số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng ông L đã giao cho ông M số tiền 320.000.000 đồng. Đến ngày 16/10/2017, ông L và ông M kết sổ, tổng số củi mà ông M giao cho ông L tổng cộng 175.143kg, với đơn giá 700 đồng/kg, quy ra thành tiền là 122.600.000 đồng, cấn trừ số tiền ông M ứng trước 320.000.000 đồng thì ông M còn nợ lại số tiền 197.400.000 đồng. Sau đó, ông M cam kết là sẽ tiếp tục giao củi cho ông L, bắt đầu từ ngày 16/10/2017 thì mỗi tuần

giao 01 xe củi với giá 80 đồng/kg để cấn trừ hết số tiền ông M đã ứng trước nhưng ông M không giao củi, không thực hiện đúng cam kết.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L thấy rằng:

Tại Hợp đồng kinh tế số 010707/HĐKD.HL/2017 ngày 07/7/2017 thể hiện ông L đã ứng trước cho ông M số tiền 300.000.000 đồng để mua bán củi cao su và trong tháng 7/2017, ông L ứng lần hai cho ông M số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng là 320.000.000 đồng. Mặt sau của Hợp đồng kinh tế này, thể hiện việc kết sổ giữa ông L và ông M, tổng số củi tính đến ngày 16/10/2017 mà ông L đã nhận được là 175.143kg, cụ thể như sau: Ngày 06/7/2017, ông L nhận 18.220 kg, ngày 11/7/2017, ông L nhận 19.500 kg, ngày 12/7/2017, ông L nhận 18.410 kg, ngày 15/7/2017, ông L nhận 19.010 kg, ngày 15/7/2017, ông L nhận 14.320 kg, ngày 19/7/2017, ông L nhận 17.850 kg, ngày 22/7/2017, ông L nhận 14.480 kg, ngày 07/8/2017, ông L nhận 10.930 kg củi, ngày 13/8/2017, ông L nhận 13.280 kg, ngày 16/8/2017, ông L nhận 15.780 kg củi và ngày 18/8/2017, ông L tiếp tục nhận 13.310 kg, tổng cộng 175.090 kg củi, có sự chênh lệch 53 kg mà ông L đã nhận, tuy nhiên, số lượng chênh lệch không lớn. Với đơn giá 700 đồng/kg, tương đương với số tiền 122.600.000 đồng, do đó, ông M còn nợ lại số tiền 197.400.000 đồng.

Xét về yêu cầu tính tiền lãi của ông L thấy rằng, khi ký kết hợp đồng kinh tế vào ngày 07/7/2017, ông L đã ứng trước cho ông M số tiền 300.000.000 đồng và sau đó ông L tiếp tục ứng trước cho ông M số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng ông L giao cho ông M số tiền 320.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông M thực hiện nghĩa vụ giao củi cho ông L với tổng số tiền 122.600.000 đồng, còn nợ lại 197.400.000 đồng. Đến ngày 16/10/2017, hai bên kết sổ, ông M vẫn tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ giao củi cho ông L, việc ông M chiếm dụng vốn của ông L nhưng không thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L nên cần tính tiền lãi. Tiền lãi được tính từ ngày 16/10/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử 13/9/2018 như sau: 197.400.000 đồng x 0.75%/tháng x 10 tháng 28 ngày = 16.186.800 đồng (Mười sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng)

Như vậy, từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định ông L và ông M ký kết hợp đồng kinh tế và thực hiện hợp đồng mua bán củi là có thật, hai bên tự nguyện mua bán với nhau.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L đối với ông M và buộc ông M có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền gốc 197.400.000 đồng và tính tiền lãi từ ngày 16/10/2017 đến ngày 13/9/2018 là 16.186.800 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 24; Điều 34 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông HBL đối với ông NVMM về hợp đồng mua bán.

Buộc ông NVMM có nghĩa vụ trả lại cho ông HBL số tiền 213.586.800 đồng (Hai trăm mười ba triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng), trong đó nợ gốc là 197.400.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 16/10/2017 đến ngày 13/9/2018 là 16.810.800 đồng (Mười sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông M còn phải trả cho ông L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông NVMM phải chịu 10.679.000 đồng (Mười triệu sáu trăm bảy mươi chín nghin đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông HBL 4.485.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai thu số 0004725 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

5. Ông HBL có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông NVMM có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- CCTHADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

LÂM TẤN NHÀN